

Weather in Chinese

Word	Translation	Transliteration
temperature	温度	wēn dù
humidity	湿度	shī dù
rain	雨	yǔ
wind	风	fēng
clouds	云	yún
thunderstorms	雷暴	léi bào
lightning	闪电	shǎn diàn
hail	冰雹	bīng báo
snow	雪	xuě
sleet	雨夹雪	yǔ jiā xuě
fog	雾	wù
dew	露水	lù shuǐ

frost

霜

shuāng

heatwave

热浪

rè làng

thermometer

温度计

wēn dù jì

meteorologist

气象学家

qìxiàng xuéjiā